

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS- ST

Ngày: 17 - 6 - 2021

“V/v Tranh chấp về hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Hào

Ông Đặng Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST - DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST – DS ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1977 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: ấp S, xã Đ, thành phố T, tỉnh T

- Bị đơn: Bà Lê Phương T, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: hẻm 87 L, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Bà có tham gia 03 dây hụi do bà Lê Phương T làm đầu thảo. Dây 1 mở ngày 25/10/2018, loại hụi 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 15 kỳ, kỳ cuối cùng hụi mất hết 29.000.000 đồng nhưng bà T chỉ giao cho bà 14.000.000 đồng còn lại 15.000.000 đồng còn nợ cho đến nay. Dây 2 mở ngày

25/01/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 15 kỳ, kỳ cuối cùng hụi mất hết 29.000.000 đồng nhưng bà T chỉ giao cho bà 4.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng còn nợ cho đến nay. Dây 3 mở ngày 25/12/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 10 kỳ thì bà T tuyên bố bể hụi, theo thỏa thuận bà được hưởng tiền lãi hụi thì số tiền bà T thiếu bà trong dây hụi này là 20.000.000 đồng (10 kỳ x 2.000.000đ = 20.000.000đ). Như vậy tổng cộng 03 dây hụi, bà T còn nợ bà là 60.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Phương T trình bày:

Bà thừa nhận có mở dây hụi ngày 25/12/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà H tham gia 01 phần, đã đóng được 09 kỳ thì bể hụi, số tiền bà H thực đóng là 12.850.000. Riêng các dây hụi ngày 25/10/2018 và 25/01/2019 thì bà không có thiếu, do không còn sổ sách nên bà không nhớ các dây hụi này thực tế có hay không nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H về số tiền nợ hụi của 02 dây hụi 25/10/2018 và 25/01/2019. Riêng đối với dây hụi ngày 25/12/2019 bà đồng ý trả cho bà H số tiền 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Phương T trả số tiền 15.000.000 đồng của dây hụi ngày 25/10/2018 và 25.000.000 đồng của dây hụi ngày 25/01/2019. Đối với dây hụi ngày 25/12/2019, nguyên đơn đồng ý bớt cho bị đơn 2.000.000 đồng chỉ yêu cầu bị đơn trả 18.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 40.000.000 đồng của 02 dây hụi ngày 25/10/2018 và 25/01/2019. Đối với dây hụi mở ngày 25/12/2019, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 18.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng của dây hụi ngày 25/10/2018 và 25.000.000 đồng của dây hụi ngày 25/01/2019. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện này nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 20.000.000 đồng của dây hui ngày 25/12/2019, tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả 18.000.000 đồng, nguyên đơn thống nhất giảm cho bị đơn 2.000.000 đồng và chấp nhận thỏa thuận cho bị đơn trả 18.000.000 đồng. Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn có nghĩa vụ phải chịu án phí trên số tiền 18.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 71; Điều 86; Điều 244; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn bà Lê Phương T về việc bị đơn bà Lê Phương T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 18.000.000 đồng của dây hui ngày 25/12/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Phương T trả số tiền hui 15.000.000 đồng của dây hui ngày 25/10/2018 và 25.000.000 đồng của dây hui ngày 25/01/2019.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại nội dung đã đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Lê Phương T phải chịu 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí là 625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003103; số tiền 375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003102 và số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003104 cùng ngày 06/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Hào

Đặng Văn Dũng

Giáp Trà Giang